

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M L
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 33/2021/DSST

Ngày: 25/3/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M L - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà và bà Ngô Minh Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Dung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2020/TLST- DS ngày 8/12/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-DS ngày 22/2/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 17 /2021 ngày 10/03/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Ph- sinh năm 1967

Nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện M L, thành phố Hà Nội

2/ Bị đơn: Bà Đỗ Thị T (Đỗ Thị Thanh T)- sinh năm 1962

Nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện M L, TP Hà Nội

(Tại phiên tòa bà Ph có mặt; bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Lưu Thị Ph trình bày:

Ngày 22/8/2016 bà có cho bà Đỗ Thị T là chỗ quen biết vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi và cũng không thỏa thuận thời hạn trả. Khi vay bà T là người viết giấy vay tiền và ký nhận, trong giấy vay tiền có chữ ký của ông Tạ Quốc Tr là chồng bà T nhưng bà xác định ông Tr chỉ ký với tư cách người làm chứng, đề nghị Tòa án không đưa ông Tr vào tham gia tố tụng. Trong quá trình vay bà T đã trả được số tiền 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) sau đó không trả được nữa, bà đã đòi rất nhiều lần nhưng không được, ngày 01/7/2020 bà đã gửi thông báo yêu cầu bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào ngày 30/7/2020 nhưng bà T

vẫn không thực hiện. Nay bà làm đơn khởi kiện ra tòa, đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả số tiền gốc còn thiếu là 51.500.000đ (Năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), bà tự nguyện không yêu cầu phải trả lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Ph đã cung cấp Giấy vay tiền kiêm nhận nợ ngày 22/8/2016.

Đối với bị đơn Đỗ Thị T:

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên bà T vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà Ph giữ nguyên quan điểm yêu cầu bà T trả số tiền 51.500.000đ, còn bà T vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa chấp hành.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Ph

Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Lưu Thị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị T thanh toán số tiền nợ mà bà Ph đã cho bà T vay nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã L, huyện M L là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 01/7/2020 bà Ph gửi thông báo yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào ngày 30/7/2020, tuy nhiên bà T không trả vì vậy ngày 30/7/2020 là thời điểm quyền và lợi ích của bà Ph bị xâm phạm do đó thời hiệu khởi kiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung:*

Theo Giấy vay tiền kiêm nhận nợ giữa bà Ph và bà T thể hiện ngày 22/8/2016 bà Ph cho bà T vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Trong giấy vay tiền cũng không thỏa thuận lãi và tại phiên tòa bà Ph cũng không yêu cầu phải trả tiền lãi nên đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 BLDS năm 2015. Trong quá trình vay bà T đã trả được số tiền 28.500.000đ nên số tiền bà T còn phải trả bà Phương là 51.500.000đ.

HĐXX nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Qua xác minh tại thôn cũng như tại công an xã xác định bà Đỗ Thị T và Đỗ Thị Thanh T là một người, bà T có hộ khẩu thường trú tại địa phương, không có thông tin về việc gia đình bà chuyển đi nơi khác, các con bà T hiện vẫn sinh sống và làm việc tại địa phương. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T đều không có mặt, không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 BLTTDS năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Về lãi suất: Bà Ph không yêu cầu nên HĐXX không xem xét

[4] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và khoản 1 Điều 469 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Ph về việc buộc bà Đỗ Thị T (Đỗ Thị Thanh T) phải trả tiền vay theo “Giấy vay tiền kiêm nhận nợ ngày 22/8/2016”.

Buộc bà Đỗ Thị T (Đỗ Thị Thanh T) có trách nhiệm trả cho Lưu Thị Ph số tiền gốc 51.500.000đ (Năm mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị T (Đỗ Thị Thanh T) phải chịu số tiền án phí là 2.550.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả bà Lưu Thị Ph số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án dân sự huyện M L số AA/2017/0009898 ngày 7/12/2020.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định .

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M L;
- Chi cục THADS huyện M L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Diệu Kim

